

của công dân, nhất là những vụ việc khiếu kiện kéo dài; giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004
quy định xử phạt vi phạm hành
chính về bưu chính, viễn thông
và tần số vô tuyến điện.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn
thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu
chính, Viễn thông,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định xử phạt đối với vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện. Vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện là hành vi cố ý hoặc vô ý của tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

2. Vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về: hoạt động, bảo đảm an toàn mạng bưu chính công cộng, mạng chuyển phát thư, mạng bưu chính chuyên dùng; đảm bảo bí mật thông tin riêng và an ninh thông tin; cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư; quản lý và sử dụng tem bưu chính;

b) Vi phạm các quy định về: thiết lập, bảo đảm bí mật thông tin riêng, an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin; cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông; kết nối các mạng viễn thông; kho số viễn thông;

c) Vi phạm các quy định về: quản lý, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện; tương thích điện từ;

d) Vi phạm các quy định về giá, cước, phí, lệ phí bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

đ) Vi phạm các quy định về: quản lý tiêu chuẩn, chất lượng thiết bị viễn thông; chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông; chất lượng mạng viễn thông; sản xuất và xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị viễn thông; quản lý tiêu chuẩn, chất lượng công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông;

e) Vi phạm các quy định về chế độ báo cáo nghiệp vụ; không chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Vi phạm hành chính về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet được áp dụng theo quy định tại Chương IV Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng Internet.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện trong phạm vi lãnh thổ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt

hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện thì xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện phải do người có thẩm quyền quy định tại các Điều 28, 29 và 30 Nghị định này tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mọi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

3. Một hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành

chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính để quyết định hình thức, biện pháp, mức xử phạt thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là hai năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện đối với hành vi vi phạm các quy định về giá, cước, phí,

lệ phí bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông và tần số vô tuyến điện; xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị viễn thông.

3. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

4. Quá thời hạn nói tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

5. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính mới trong cùng lĩnh vực trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt tính từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 5. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- c) Buộc người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng, lắp đặt trái phép;
- b) Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường

sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm phương tiện;

d) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;

đ) Buộc thực hiện theo đúng giấy phép hoặc quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

e) Buộc chấm dứt tình trạng gây cản trở đến hoạt động về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

g) Buộc thu hồi số tiền chênh lệch do vi phạm hành chính gây ra.

4. Hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với từng hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

Các hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, trừ khi cần thiết áp dụng hình thức tịch thu tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt hoặc đã hết thời hiệu xử phạt.

Chương II

VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Mục 1. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ: HOẠT ĐỘNG, BẢO ĐẢM AN TOÀN MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG, MẠNG CHUYỂN PHÁT THƯ, MẠNG BƯU CHÍNH CHUYÊN DÙNG, ĐẢM BẢO BÍ MẬT THÔNG TIN RIÊNG VÀ AN NINH THÔNG TIN, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH, DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT THƯ, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TEM BƯU CHÍNH

Điều 6. Xử phạt vi phạm về hoạt động của mạng bưu chính công cộng, mạng chuyển phát thư, mạng bưu chính chuyên dùng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không niêm yết biển hiệu, giờ mở cửa phục vụ tại bưu cục giao dịch, điểm phục vụ;

b) Không cung cấp công khai hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin liên quan về các dịch vụ đang cung cấp tại bưu cục giao dịch, điểm phục vụ;

c) Không mở cửa hoặc mở cửa bưu cục

giao dịch, điểm phục vụ không đúng thời gian đã niêm yết.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng phương tiện vận tải chuyên ngành bưu chính để vận chuyển hàng hóa, chở người trái quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sử dụng thiết bị bưu chính, các bưu cục, điểm phục vụ không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Sử dụng mẫu sắc và biểu trưng trên phương tiện vận tải chuyên ngành bưu chính, thùng thư công cộng không đúng với mẫu đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không thông báo hoặc thông báo thiếu các thông tin trên thùng thư công cộng theo đúng quy định;

d) Mở thùng thư công cộng trong ngày không đúng thời gian đã công bố;

đ) Không thực hiện đúng các quy định về mã bưu chính của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

e) Dịch chuyển trái phép vị trí các trang thiết bị, cơ sở vật chất của mạng bưu chính công cộng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đóng, mở các Bưu cục ngoại dịch,

Bưu cục của khẩu biên giới không có quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

b) Làm thay đổi trạng thái, làm hư hỏng hoặc mất tác dụng các trang thiết bị, cơ sở vật chất của mạng bưu chính công cộng;

c) Thiết lập và tổ chức hoạt động mạng bưu chính chuyên dùng không đúng quy định của Nhà nước;

d) Bưu chính Việt Nam không ưu tiên vận chuyển và khai thác đối với túi, gói của mạng bưu chính chuyên dùng;

đ) Sử dụng trái phép tên “Bưu chính Việt Nam” vào mục đích kinh doanh.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm a, b khoản 3.

Điều 7. Xử phạt vi phạm về bảo đảm an toàn mạng bưu chính, mạng chuyển phát thư

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng dấu ngày của Bưu cục, điểm phục vụ không đúng với thời gian và địa điểm cung cấp dịch vụ;

b) Giữ thư, bưu phẩm, bưu kiện mà

không phát hoặc phát chậm đến người sử dụng dịch vụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi kiểm tra trái pháp luật túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện đang trên đường vận chuyển.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trì hoãn, khước từ hoặc có hành vi khác nhằm trốn tránh việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc huy động phương tiện, thiết bị bảo đảm vận chuyển tài liệu công văn, phục vụ các nhu cầu thông tin trong trường hợp khẩn cấp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Ngăn cản việc khai thác, vận chuyển túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi Bưu chính Việt Nam không áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin khi vận chuyển và khai thác túi, gói của mạng bưu chính chuyên dùng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2;

b) Buộc chấm dứt tình trạng gây cản

trở đến hoạt động về bưu chính do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3;

c) Buộc thực hiện đúng các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3.

Điều 8. Xử phạt vi phạm về bảo đảm bí mật thông tin riêng và an ninh thông tin

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ trái pháp luật nội dung thư, bưu phẩm, bưu kiện, tên, địa chỉ của người sử dụng dịch vụ;

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bóc mở, tráo đổi nội dung thư, bưu phẩm, bưu kiện của người khác trái pháp luật;

b) Chiếm đoạt thư, bưu phẩm, bưu kiện của người khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính để trả lại cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2.

Điều 9. Xử phạt vi phạm về cung cấp, sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi gửi thư trong bưu kiện.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không khai báo làm thủ tục cấp lại khi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư hoặc Giấy phép thử nghiệm dịch vụ chuyển phát thư, các dịch vụ khác trên mạng bưu chính công cộng bị mất, hư hỏng đến mức không còn rõ nội dung hoặc hết thời hạn sử dụng đến 01 tháng;

b) Kê khai phiếu gửi không đúng với nội dung bưu phẩm, bưu kiện;

c) Làm hư hỏng thư, bưu phẩm, bưu kiện của người sử dụng dịch vụ;

d) Gửi vật phẩm, hàng hóa trong thư, ấn phẩm, học phẩm dùng cho người mù.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa thêm, tráo đổi vật phẩm, hàng hóa trong bưu phẩm, bưu kiện sau khi đã làm xong các thủ tục nhận gửi;

b) Ngăn cản trái pháp luật việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát thư;

c) Từ chối trái pháp luật việc cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư;

d) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện vật, chất làm mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường;

đ) Gửi tiền Việt Nam hoặc ngoại hối trong thư, bưu phẩm, bưu kiện trong nước hoặc từ Việt Nam đi nước ngoài;

e) Gửi ngoại hối trong thư, bưu phẩm, bưu kiện từ nước ngoài vào Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm mất thư, bưu phẩm, bưu kiện, của người sử dụng dịch vụ;

b) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện đi nước ngoài những vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu vào nước nhận mà Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) đã thông báo.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định;

b) Cung cấp dịch vụ chuyển phát thư không đúng giấy phép;

c) Gửi hoặc nhận gửi trong bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa, vật phẩm thuộc danh

mục gửi có điều kiện mà không thực hiện đúng các yêu cầu theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ chuyển phát thư nhằm mục đích đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến nhân phẩm danh dự người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Đại lý dịch vụ bưu chính, đại lý dịch vụ chuyển phát thư cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư không đúng loại hình dịch vụ đã giao kết trong hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ chuyển phát thư hoặc thử nghiệm dịch vụ không có giấy phép hoặc giấy phép hết thời hạn sử dụng trên 01 tháng;

b) Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, sửa chữa Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư, Giấy phép thử nghiệm dịch vụ;

c) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện ấn phẩm, vật phẩm, hàng hóa Nhà nước Việt Nam cấm lưu thông, cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

d) Cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành khác trên mạng bưu chính công cộng mà không có giấy phép hoặc văn bản chấp

thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện vật, chất gây cháy, gây nổ, gây nguy hiểm, văn hóa phẩm độc hại.

8. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư nhằm mục đích tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh trật tự, an toàn xã hội mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Các hành vi lợi dụng gửi bưu phẩm, bưu kiện để kinh doanh hàng hóa cấm lưu thông, hàng hóa có nguồn gốc nhập lậu, hàng hóa cấm xuất khẩu hoặc nhập khẩu thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại để xử phạt.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại các điểm b khoản 2; điểm a, e khoản 3; điểm b, c khoản 6; khoản 7 và khoản 8;

b) Buộc rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm khoản 8.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc áp dụng những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3; điểm c khoản 5; khoản 7;

b) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3; khoản 7;

c) Buộc thực hiện theo đúng các quy định và giấy phép của Bộ Bưu chính, Viễn thông đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 5.

Điều 10. Xử phạt vi phạm về quản lý, sử dụng tem bưu chính

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tem bưu chính giả, tem bưu chính đã qua sử dụng, tem bưu chính in trên sách, báo, tạp chí hoặc các ấn phẩm khác để thanh toán cước;

b) Bán tem bưu chính trong thời hạn phát hành không đúng giá mặt, trừ tem bưu chính đã có dấu hủy.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành tem bưu chính chưa có

quyết định phát hành hoặc tem bưu chính đã có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) In hình ảnh tem bưu chính trên các xuất bản phẩm mà không dùng tem mẫu (tem bưu chính có chữ specimen), tem bưu chính đã có dấu hủy;

c) Sưu tập tem bưu chính đã bị cấm lưu hành nhằm mục đích tuyên truyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu tem bưu chính không đúng quy định;

b) In tem bưu chính không đúng quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

c) Không thực hiện việc thu hồi, xử lý tem bưu chính đã hết thời hạn phát hành trên mạng bưu chính công cộng; tem bưu chính đã bị đình chỉ, đình bản;

d) Sử dụng, sao chép một phần hoặc toàn bộ mẫu tem bưu chính đã được duyệt mà không có văn bản cho phép của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sản xuất, tàng trữ hoặc mua bán tem bưu chính giả mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kinh doanh, tàng trữ tem bưu chính đã bị cấm lưu hành;

c) In tem bưu chính không có quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; điểm a, b khoản 3 và khoản 4.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi số tiền chênh lệch do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1;

b) Buộc thực hiện theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2.

**Mục 2. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ:
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG,
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
VIỄN THÔNG, BẢO ĐẢM BÍ MẬT
THÔNG TIN RIÊNG, AN TOÀN
MẠNG VIỄN THÔNG VÀ AN
NINH THÔNG TIN, KẾT NỐI
MẠNG VIỄN THÔNG, KHO
SỐ VIỄN THÔNG**

Điều 11. Xử phạt vi phạm về thiết lập mạng viễn thông

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không khai báo làm thủ tục cấp lại khi Giấy phép thiết lập mạng, thủ

nghiệm mạng bị mất hoặc bị hư hỏng đến mức không còn rõ nội dung.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng không đúng quy định trong giấy phép;

b) Mở rộng mạng viễn thông dùng riêng không đúng quy định trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng không có giấy phép;

b) Thay đổi, bổ sung cấu hình, thành viên của mạng dùng riêng hoặc sử dụng mạng dùng riêng không đúng mục đích quy định trong giấy phép;

c) Thử nghiệm mạng viễn thông không đúng quy định trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thiết lập mạng viễn thông công cộng không đúng quy định trong giấy phép;

b) Mở rộng mạng viễn thông công cộng không đúng quy định trong giấy phép;

c) Không thực hiện đóng, mở các hướng liên lạc viễn thông đường dài trong nước

phục vụ công ích, an ninh, quốc phòng khi có quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

d) Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, sửa chữa Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông;

đ) Sử dụng các loại giấy phép quy định tại Điều này đã hết thời hạn sử dụng đến 01 tháng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thiết lập mạng viễn thông công cộng không có giấy phép;

b) Thử nghiệm mạng viễn thông không có giấy phép hoặc giấy phép hết thời hạn sử dụng trên 01 tháng;

c) Xây dựng công trình viễn thông đi qua lãnh thổ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và trong thềm lục địa của Việt Nam không đúng nội dung quy định trong giấy phép.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lắp đặt cáp viễn thông trong lãnh thổ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và trong thềm lục địa của Việt Nam không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Tàu, thuyền hoạt động khảo sát, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, thi công cáp viễn thông trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và trong thềm lục địa của Việt Nam không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Lắp đặt thiết bị viễn thông để thực hiện chuyển trái phép lưu lượng dịch vụ viễn thông từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài về Việt Nam dưới bất kỳ hình thức, phương thức và bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 đến 03 tháng đối với vi phạm quy định tại điểm b khoản 2; điểm c khoản 3;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2; điểm a, c khoản 3; điểm d khoản 4; điểm a, b khoản 5 và điểm a, c khoản 6;

c) Buộc rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 6.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2; điểm b, c khoản 3; điểm a, b khoản 4; điểm c khoản 5.

Điều 12. Xử phạt vi phạm về cung cấp, sử dụng các dịch vụ viễn thông

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không khai báo làm thủ tục cấp lại khi Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông bị mất hoặc bị hư hỏng đến mức không còn rõ nội dung;

b) Cung cấp dịch vụ tại điểm công cộng không có người phục vụ mà không có hoặc không đúng biểu trưng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; không niêm yết hướng dẫn sử dụng dịch vụ và các số máy dịch vụ khẩn cấp, dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao của mạng điện thoại công cộng;

c) Làm hư hỏng hoặc sử dụng không đúng mục đích các buồng điện thoại công cộng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao để kinh doanh dịch vụ viễn thông;

b) Sử dụng mã hóa thông tin trên mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật;

c) Bán lại các dịch vụ viễn thông không đúng quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

d) Làm giả, sửa đổi thẻ điện thoại để sử dụng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thiết bị đầu cuối của mạng viễn thông dùng riêng để kinh doanh các dịch vụ viễn thông;

b) Sử dụng, cho thuê, cho mượn thuê bao di động hoặc cố định đưa sang biên giới nhằm mục đích chuyển lưu lượng điện thoại quốc tế về Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp dịch vụ viễn thông không đúng quy định trong Giấy phép;

d) Ngừng, tạm ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông không thông báo cho người sử dụng dịch vụ viễn thông biết trước theo quy định của pháp luật;

đ) Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, sửa chữa Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông;

e) Sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông hết hạn sử dụng đến 01 tháng;

g) Chiếm đoạt, hủy bỏ, tráo đổi, tiết lộ nội dung thông tin của người sử dụng dịch vụ viễn thông;

h) Sử dụng dịch vụ viễn thông để đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm người khác hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

i) Thử nghiệm dịch vụ viễn thông không đúng quy định trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chủ mạng viễn thông dùng riêng sử dụng mạng viễn thông dùng riêng kinh doanh các dịch vụ viễn thông;

b) Sử dụng thiết bị của mạng viễn thông chuyên dùng vào các mục đích không phải phục vụ cho thông tin đặc biệt của các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ thông tin quốc phòng, an ninh;

c) Cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng tại Việt Nam khi chưa được phép của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ viễn thông không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn sử dụng trên 01 tháng;

b) Không tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước trong khai thác, cung cấp các dịch vụ viễn thông mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Chuyển trái pháp luật lưu lượng dịch vụ viễn thông đường dài trong nước dưới bất kỳ hình thức, phương thức và bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào;

d) Thử nghiệm dịch vụ viễn thông không có giấy phép;

đ) Cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông không được phép cung cấp và sử dụng tại Việt Nam;

e) Làm giả thẻ điện thoại để kinh doanh.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dịch vụ viễn thông nhằm mục đích tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3; điểm a khoản 4;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm a, d khoản 2; điểm a, e khoản 3; khoản 4; điểm c, đ, e khoản 5 và khoản 6;

c) Buộc rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 6.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1.

Điều 13. Xử phạt vi phạm về bảo đảm bí mật thông tin riêng, an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng đường dây cáp quang, cáp đồng, ăng ten hoặc trang thiết bị của hệ thống truyền dẫn, chuyển mạch và các thiết bị viễn thông khác thuộc mạch vòng nội hạt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thu trộm, nghe trộm thông tin trên mạng viễn thông; phá hoại, trộm cắp, sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã và thông tin riêng của các tổ chức, cá nhân khác;

b) Đưa vào, lưu trữ và truyền đưa trên mạng viễn thông những thông tin có nội dung bị pháp luật cấm;

c) Làm hư hỏng đường dây cáp quang, ăng ten hoặc trang thiết bị của hệ thống truyền dẫn, chuyển mạch và các thiết bị viễn thông khác thuộc mạng viễn thông cố định công cộng đường dài trong nước, quốc tế; mạng viễn thông di động công cộng, mạng viễn thông cố định vệ tinh công cộng, mạng viễn thông di động vệ tinh công cộng, mạng thông tin vô tuyến điện hàng hải công cộng;

d) Dùng thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử, tin học hoặc thiết bị khác thâm nhập trái phép vào mạng viễn thông công cộng, mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng hoặc đường thuê bao viễn thông khác.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm hư hỏng đường dây cáp quang, ăng ten hoặc trang thiết bị của hệ thống truyền dẫn, chuyên mạch và các thiết bị viễn thông khác của hệ thống đường trục viễn thông quốc gia;

b) Trì hoãn, khước từ hoặc có những hành vi khác nhằm trốn tránh thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc huy động mạng viễn thông công cộng, mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng để phục vụ các nhu cầu thông tin khẩn cấp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Sử dụng chương trình, chuyên môn kỹ thuật để xâm nhập phá hoại cơ sở dữ liệu, phần mềm, phần cứng, thiết bị của mạng viễn thông mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm c khoản 2; điểm a, c khoản 3.

Điều 14. Xử phạt vi phạm về kết nối các mạng viễn thông

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kết nối hai mạng viễn thông dùng riêng trực tiếp với nhau mà không được Bộ Bưu chính, Viễn thông cho phép;

b) Không thực hiện đúng các quy định kết nối mạng viễn thông dùng riêng hoặc mạng viễn thông chuyên dùng vào mạng viễn thông công cộng;

c) Kết nối mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng vào mạng viễn thông công cộng mà không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

d) Doanh nghiệp viễn thông hạn chế, từ chối, tự ý dùng, gây khó khăn cho việc kết nối các mạng viễn thông với nhau hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp viễn thông khác;

đ) Kết nối mạng viễn thông với doanh nghiệp viễn thông khác mà chất lượng dịch vụ kết nối thấp hơn chất lượng dịch vụ cùng loại trong mạng của mình hiện đang cung cấp;

e) Kết nối các mạng viễn thông công cộng không theo đúng quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

g) Không thực hiện hoặc trì hoãn việc thực hiện quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng, chung vị trí kết nối, mở rộng dung lượng kết nối hoặc các vấn đề khác liên quan đến kết nối các mạng viễn thông công cộng;

h) Doanh nghiệp viễn thông nắm giữ các phương tiện thiết yếu không xây

dựng hoặc trì hoãn xây dựng thỏa thuận kết nối mẫu trình Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1;

b) Buộc thực hiện đúng các quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, e, g, h khoản 1.

Điều 15. Xử phạt vi phạm về kho số viễn thông

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo quy hoạch đánh số viễn thông;

b) Sử dụng kho số viễn thông đã có quyết định thu hồi của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

c) Không trả lại kho số viễn thông đã được cấp theo quyết định của Bộ Bưu chính, Viễn thông khi không có nhu cầu sử dụng;

d) Mua bán, chuyển nhượng kho số viễn thông;

đ) Doanh nghiệp viễn thông cấp số, cho thuê số, thu hồi số không đúng quy định;

e) Doanh nghiệp viễn thông, chủ mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng thay đổi khối số hoặc độ dài số thuê bao khi chưa được phép của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện theo đúng quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c, e khoản 1.

Điều 16. Xử phạt vi phạm về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chậm đóng góp từ 01 tháng đến 06 tháng về tài chính cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Sử dụng vốn được hỗ trợ để thực hiện chính sách dịch vụ viễn thông công ích sai quy định của Nhà nước

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ loại hình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không chấp hành nghĩa vụ về xây dựng, trình duyệt, điều chỉnh kế hoạch về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định;

đ) Không thực hiện dự án đầu tư xây

dụng về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định thầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chậm đóng góp từ trên 06 tháng đến 01 năm về tài chính cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chậm đóng trên 01 năm về tài chính cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3.

**Mục 3. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ:
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ
THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VÔ
TUYẾN ĐIỆN, TƯƠNG
THÍCH ĐIỆN TỬ**

Điều 17. Xử phạt vi phạm về sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện và sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng trên một giấy phép đối với hành vi không khai

báo làm thủ tục xin cấp lại Giấy phép tần số vô tuyến điện khi Giấy phép bị hư hỏng không còn rõ nội dung hoặc bị mất.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng trên một thiết bị phát sóng hoặc một tần số vô tuyến điện đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện hết thời hạn sử dụng từ trên 03 tháng đến 06 tháng;

b) Đặt thiết bị phát sóng vô tuyến điện sai địa điểm quy định trong Giấy phép tần số vô tuyến điện trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Sử dụng sai quy ước liên lạc: hồ hiệu liên lạc, giờ liên lạc, quy cách ãng ten, phương thức phát, mục đích liên lạc;

d) Mạo danh tên đài, hồ hiệu, số nhận dạng đài của đài vô tuyến điện khác;

đ) Không khai báo, làm thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép tần số vô tuyến điện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi thiết bị phát sóng vô tuyến điện khác;

e) Không khai báo, làm thủ tục thay đổi trong Giấy phép tần số vô tuyến điện khi đổi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

g) Phát sai tần số quy định trong Giấy phép tần số vô tuyến điện;

h) Phát vượt quá công suất quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị phát sóng có công suất dưới 5 KW;

i) Liên lạc với các đài vô tuyến điện khác không được quy định trong Giấy phép tần số vô tuyến điện;

k) Tẩy xóa, sửa chữa Giấy phép tần số vô tuyến điện, chứng chỉ chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp để sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên một thiết bị phát sóng hoặc một tần số vô tuyến điện đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt thiết bị phát sóng vô tuyến điện sai địa điểm quy định trong Giấy phép tần số vô tuyến điện ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Sử dụng người không có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định để khai thác thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

c) Thay đổi thiết bị phát sóng vô tuyến điện từ nghiệp vụ cố định thành nghiệp vụ lưu động không có giấy phép;

d) Sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện có công suất đến 50 W không có giấy phép hoặc giấy phép hết thời hạn sử dụng trên 06 tháng;

đ) Sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến

điện không đảm bảo các yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trên một thiết bị phát sóng hoặc một tần số vô tuyến điện đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện có công suất trên 50W đến 150W không có giấy phép hoặc giấy phép hết thời hạn sử dụng trên 06 tháng;

b) Sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện khi đã có quyết định tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không khai báo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thiết bị phát sóng vô tuyến điện bị mất.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên một tần số vô tuyến điện đối với hành vi sử dụng sai mục đích hoặc sai quy định các tần số gọi, trực canh, cứu nạn, cứu hộ, thông báo an toàn, tín hiệu chuẩn quốc tế, quốc gia.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trên một thiết bị phát sóng hoặc một tần số vô tuyến điện đối với hành vi sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện có công suất trên 150 W không có Giấy phép hoặc Giấy phép hết thời hạn sử dụng trên 06 tháng.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến

20.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập trạm vệ tinh mặt đất, sử dụng thiết bị thông tin qua vệ tinh không đúng quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ các quy định về thông tin liên lạc của Nhà nước Việt Nam khi tàu bay, tàu biển của Việt Nam hoặc nước ngoài ra, vào, trú đậu tại các sân bay, cảng biển của Việt Nam;

b) Sử dụng tần số nằm ngoài giới hạn băng tần được cấp theo Giấy phép;

c) Sử dụng Giấy phép băng tần hết thời hạn sử dụng đến 01 tháng;

d) Có mức phát xạ cực đại ngoài băng tần vượt quá mức cho phép trong Giấy phép băng tần;

đ) Có mức phát xạ cực đại ngoài phạm vi phủ sóng vượt quá mức cho phép trong Giấy phép băng tần;

e) Phát vượt quá công suất quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị phát sóng có công suất từ 5 KW trở lên;

g) Thiết lập trạm vệ tinh mặt đất, sử dụng hệ thống thiết bị thông tin qua vệ tinh không có Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

9. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến

70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng băng tần không có giấy phép.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a khoản 3; tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7; tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g, i khoản 2;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, k khoản 2; điểm d, e khoản 3; điểm a, b, c khoản 4; khoản 6; điểm g khoản 8.

Điều 18. Xử phạt vi phạm về nhiễu có hại

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông về quản lý tương thích điện từ (EMC) đối với các thiết bị, hệ thống thiết bị khi sử dụng có tạo ra năng lượng điện từ trong dải tần số từ 03 Kilohec (03 KHz) đến 3 nghìn Gigahéc (3.000 GHz) dùng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, y tế, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác gây nhiễu có hại đối với:

a) Mạng viễn thông công cộng, mạng

viễn thông dùng riêng và mạng viễn thông chuyên dùng;

b) Kênh, tần số phát sóng phát thanh, truyền hình hoặc thu, phát sóng vô tuyến điện khác.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện không có giấy phép, không đúng quy định trong giấy phép hoặc không đúng các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gây nhiễu có hại đối với:

a) Mạch vòng nội hạt;

b) Mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng hoặc kênh tần số phát sóng phát thanh, truyền hình hoặc thu, phát sóng vô tuyến điện khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép hoặc không đúng các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gây nhiễu có hại đối với:

a) Mạng viễn thông cố định công cộng đường dài trong nước, quốc tế;

b) Mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng hoặc kênh tần số phát sóng phát thanh, truyền hình hoặc thu, phát sóng vô tuyến điện khác có quy mô trong cả nước;

c) Mạng viễn thông di động công cộng, mạng viễn thông cố định vệ tinh công cộng, mạng viễn thông di động vệ tinh công cộng, mạng thông tin vô tuyến điện hàng hải công cộng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép hoặc không đúng các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gây nhiễu có hại đối với:

a) Hệ thống đường trục viễn thông quốc gia;

b) Mạng viễn thông dùng riêng, mạng viễn thông chuyên dùng hoặc kênh tần số phát sóng phát thanh, truyền hình hoặc thu, phát sóng vô tuyến điện quốc gia, quốc tế;

c) Tần số gọi, trực canh, cứu nạn, cứu hộ, thông báo an toàn, tín hiệu chuẩn quốc gia và quốc tế.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện cố ý gây can nhiễu làm cản trở đến hoạt động thông tin của các mạng và hệ thống thông tin vô tuyến điện khác.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm trong trường hợp sử dụng thiết bị

phát sóng vô tuyến điện không đúng quy định trong giấy phép được quy định tại khoản 2; từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm trong trường hợp sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện không đúng quy định trong giấy phép được quy định tại khoản 3; và tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi vi phạm trong trường hợp sử dụng thiết bị phát sóng vô tuyến điện không đúng quy định trong giấy phép được quy định tại khoản 4, 5;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại khoản 5 và đối với trường hợp thiết bị phát sóng vô tuyến điện không có giấy phép theo quy định tại khoản 2, 3, 4.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp chống gây nhiễu có hại đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1.

MỤC 4. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIÁ, CƯỚC, PHÍ, LỆ PHÍ BƯU CHÍNH, CHUYỂN PHÁT THƯ, VIỄN THÔNG VÀ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 19. Xử phạt vi phạm về giá, cước, phí bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông và tần số vô tuyến điện

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến

20.000.000 đồng đối với hành vi cài đặt không đúng cước các dịch vụ viễn thông hiện hành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quy định, miễn, giảm giá, cước dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư và dịch vụ viễn thông không đúng thẩm quyền.

3. Đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giá cước bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông khác được áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

4. Đối với hành vi không nộp hoặc nộp chậm phí, lệ phí sử dụng kho số viễn thông, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp phép, lệ phí chứng nhận hợp chuẩn và các loại phí, lệ phí khác về bưu chính, viễn thông được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi số tiền chênh lệch do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1;

b) Buộc thực hiện đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
093313169
LawSoft

Mục 5. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ VIỄN THÔNG, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH, CHUYỂN PHÁT THƯ, VIỄN THÔNG, CHẤT LƯỢNG MẠNG VIỄN THÔNG, SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THIẾT BỊ VIỄN THÔNG, QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Điều 20. Xử phạt vi phạm về quản lý chất lượng thiết bị viễn thông

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa vào lưu thông trên thị trường Việt Nam hoặc kết nối vào các mạng viễn thông các loại thiết bị viễn thông không có hoặc hết thời hạn sử dụng trên 01 tháng giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ;

b) Lắp đặt, sử dụng thiết bị tính cước chưa được kiểm định tại các Bưu cục giao dịch, điểm phục vụ, đại lý viễn thông.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1.

Điều 21. Xử phạt vi phạm về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư, dịch vụ viễn thông và chất lượng mạng viễn thông

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông, mạng viễn thông hết thời hạn sử dụng đến 01 tháng;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông, mạng viễn thông đã bị hủy bỏ;

c) Sửa chữa, tẩy xóa Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông hoặc mạng viễn thông.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký và công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư, dịch vụ viễn thông, chất lượng mạng viễn thông bắt buộc phải đăng ký và công bố theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

b) Không cung cấp công khai hoặc cung cấp không đúng chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký tại Bưu cục giao dịch, điểm phục vụ;

c) Cung cấp dịch vụ có chất lượng thấp hơn quy định hoặc thấp hơn chất lượng đã đăng ký.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 1.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2.

Điều 22. Xử phạt vi phạm về chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Sử dụng Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ hết thời hạn sử dụng đến 01 tháng;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ đã bị hủy bỏ;

c) Sửa chữa, tẩy xóa Giấy chứng nhận

phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ;

d) Đưa vào lưu thông trên thị trường, đấu nối trên mạng viễn thông các thiết bị không có hoặc không đúng tem phù hợp tiêu chuẩn.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp và lắp đặt thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn theo Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đã được chứng nhận;

b) Sử dụng tem phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và tem phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ giả, bị tẩy xóa, đã qua sử dụng hoặc không đúng chủng loại thiết bị; sử dụng Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ giả.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng không thời hạn Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2.

Điều 23. Xử phạt vi phạm về ghi nhãn thiết bị viễn thông

Vi phạm hành chính về ghi nhãn thiết bị viễn thông phải bị xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 01/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/CP ngày 03 tháng 01 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

Điều 24. Xử phạt vi phạm về sản xuất, nhập khẩu thiết bị viễn thông

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu, sản xuất thiết bị viễn thông không có giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu không có giấy phép các thiết bị phát, thiết bị thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần số từ 9 KHz đến 400 GHz, có công suất từ 60 mW trở lên dùng trong nghiệp vụ viễn thông và các nghiệp vụ khác theo quy định;

b) Nhập khẩu không có giấy phép các thiết bị Rada, các thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến điện và thiết bị điều khiển xa bằng sóng vô tuyến;

c) Sản xuất thiết bị phát, thiết bị thu - phát sóng vô tuyến điện không có giấy phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2.

Điều 25. Xử phạt vi phạm về quản lý tiêu chuẩn, chất lượng công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng tiêu chuẩn Việt Nam, quy trình, quy phạm, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong xây lắp công trình bưu chính, viễn thông;

b) Đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng công trình bưu chính, viễn thông chưa qua kiểm định chất lượng;

c) Vi phạm các quy định khác của pháp luật về quản lý chất lượng công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông;

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

**Mục 6. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ:
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KHÔNG CHẤP
HÀNH SỰ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT
CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN**

Điều 26. Xử phạt vi phạm về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, dịch vụ công ích, nghiệp vụ và kho số viễn thông theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, dịch vụ công ích, nghiệp vụ và kho số viễn thông theo quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, dịch vụ công ích, nghiệp vụ và kho số viễn thông theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, 2, 3.

Điều 27. Xử phạt vi phạm về hành vi cản trở nhân viên, cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không xuất trình các tài liệu, giấy tờ, chứng từ có liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra;

b) Không khai báo hoặc khai báo không đúng về nội dung liên quan đến việc kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên, cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tẩu tán tang vật vi phạm đang bị kiểm tra hoặc tạm giữ;

b) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật vi phạm đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

Mục 1. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin

1. Thanh tra viên chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

đ) Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 và khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Sở Bưu chính, Viễn thông và cơ quan thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d, đ, e, g khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

e) Thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

e) Thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các Điều 28, 29 và 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện được quy định tại Nghị định này.

Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường và Thanh tra chuyên ngành khác

Cơ quan Công an nhân dân, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường và Thanh tra chuyên ngành khác có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các Điều 31, 32, 33, 34, 36, 37 và 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

đối với những hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý được quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện đối với mạng bưu chính, viễn thông chuyên dùng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do cơ quan Thanh tra Quốc phòng và các lực lượng có thẩm quyền xử phạt thuộc Bộ Công an thực hiện.

2. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại các Điều 28, 29 và 30 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

4. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc đã được quy định tại khoản 3 Điều 42 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Mục 2. THỦ TỤC XỬ PHẠT VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

Điều 32. Thủ tục áp dụng hình thức xử phạt chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính.

2. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000 đồng đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 54 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền thì người có thẩm quyền xử phạt phải kịp thời lập biên bản về vi phạm hành chính theo đúng quy định tại Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Nếu người lập biên bản không đủ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải gửi kịp thời biên bản và các hồ sơ liên quan đến cấp có đủ thẩm quyền để ra quyết định xử phạt.

Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện được thực hiện theo quy định tại Điều 56 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện là mức trung bình của khung tiền phạt tương ứng với hành vi đó được quy định tại Nghị định này; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt tiền có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

5. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

Quyết định xử phạt được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

6. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt đúng theo quy định tại Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 33. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề

Thủ tục tước quyền sử dụng các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề về bưu chính, chuyển phát thư, viễn thông và tần số vô tuyến điện thực hiện đúng theo quy định tại Điều 59 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 34. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính

1. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản theo đúng quy định tại Điều 60 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc xử lý tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện thực hiện theo đúng những quy định tại Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 35. Thi hành quyết định xử phạt

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải thi hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Thời hạn này được ghi rõ trong quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên, tổ chức cá nhân bị xử phạt không tự giác chấp hành thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.

2. Việc hoãn chấp hành quyết định phạt tiền được thực hiện theo Điều 65 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

3. Việc tổ chức cưỡng chế thi hành và

áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hết hiệu lực thi hành sau một năm, kể từ ngày ra quyết định; trong trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại từ ngày hành vi trì hoãn, trốn tránh chấm dứt.

5. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được giao cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt hoặc thông báo cho họ đến nhận; thời điểm tổ chức, cá nhân bị xử phạt nhận được quyết định xử phạt được coi là thời điểm được giao quyết định quy định tại Điều 64 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự nguyện chấp hành trong thời hạn quy định thì bị cưỡng chế thi hành. Trường hợp đã qua một năm mà quyết định xử phạt không thể giao đến tổ chức, cá nhân bị xử phạt do họ không đến nhận, không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác, thì người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định, trừ hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đối với tang vật, phương tiện vi phạm đang bị tạm giữ thì áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện thực hiện theo các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản Ngân hàng;

b) Kê biên phần tài sản có trị giá tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt.

2. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu.

4. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 37. Quy định về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt trừ trường hợp buộc tháo dỡ công trình xây dựng.

2. Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan

nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

4. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 39. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện nếu có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật

chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Nghị định số 79/CP ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định này bao gồm:

1. Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ dân chính Đảng, thanh niên xung phong tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các vùng bị Mỹ sử dụng chất độc hóa học trong chiến tranh Việt Nam từ tháng 8 năm 1961 đến 30 tháng 4 năm 1975, đang không hưởng trợ cấp bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động mà sinh